|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-TTg | *Hà Nội, ngàythángnăm 2022* |

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngànhgiao thông vận tải**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050*;*

*Xétđề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của Ngànhgiao thông vận tải (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh) và các Phụ lục kèm theo.

**I. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

**1.1. Quan điểm**

- Chuyển đổi năng lượng xanh là nhiệm vụ cơ bản và quan trọng nhất trong quá trình thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh cũng như thực hiện các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26); đồng thời cũng là cơ hội để Ngành giao thông vận tải có sự phát triển đồng bộ theo hướng hiện đại hóa và bền vững, bắt kịp với xu thế và trình độ phát triển tiên tiến của thế giới.

- Chuyển đổi năng lượng xanh trong Ngành giao thông vận tải có nền tảng là sự chuyển đổi công nghệ mạnh mẽ, vì vậy cần dựa vào thể chế và quản trị hiện đại, khoa học và công nghệ tiên tiến, nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Việc thực hiện chuyển đổi năng lượng xanh của Ngành giao thông vận tải cần xây dựng lộ trình hợp lý, phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và bền vững trong thực hiện thông qua các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể.

- Huy động tối đa mọi nguồn lực để thực hiện chuyển đổi năng lượng xanh của Ngành giao thông vận tải. Khẩn trương bổ sung, sửa đổi thể chế, chính sách để tạo môi trường thuận lợi cho tiếp nhậncác dòng vốn đầu tư, công nghệ tiên tiến; tạo động lực để huy động sự tham gia của toàn xã hội cũng như thu hút đầu tư nước ngoài vào quá trình thực hiện chuyển đổi năng lượng xanh của Ngành giao thông vận tải.

- Tăng cường hợp tác quốc tế để triển khai thực hiện mục tiêu chuyển đổi năng lượng xanh của Ngành giao thông vận tải dựa trên cách tiếp cận toàn cầu với sự phối hợp của tất cả các quốc gia, tranh thủ tối đa sự ủng hộ và hỗ trợ, sự ủng hộ và hỗ trợ quốc tế.

**1.2. Mục tiêu**

**1.2.1. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển hệ thống giao thông vận tải xanh nhằm hướng tới mục tiêu phát thải ròng khí nhà kính về “0” vào năm 2050.

**1.2.2. Mục tiêu cụ thể**

Giai đoạn đến năm 2030: đẩy mạnh chuyển đổi sử dụng năng lượng xanh đối với các lĩnh vực thuộc Ngành giao thông vận tải đã sẵn sàng về mặt công nghệ, thể chế, nguồn lực.

Giai đoạn đến năm 2050: Thực hiện mạnh mẽ việc chuyển đổi toàn bộ phương tiện, trang thiết bị giao thông vận tải sang sử dụng điện, năng lượng xanh, hướng đến phát thải ròng khí nhà kính về “0” vào năm 2050.

**1.3. Lộ trình chuyển đổi năng lượng xanh**

**1.3.1. Đường bộ**

*a) Giai đoạn 2022 - 2030*:

- Thúc đẩy sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và chuyển đổi sử dụng các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng điện; mở rộng phối trộn, sử dụng 100% xăng E5 đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Phát triển hạ tầng sạc điện, cung cấp nhiên liệu tại các thành phố trực thuộc trung ương đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp vận tải xe buýt, taxi,… Phát triển các cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại (pin, ắc quy, động cơ điện).

- Khuyến khích các bến xe, trạm dừng nghỉ xây dựng mới và hiện hữu chuyển đổi theo tiêu chí xanh.

*b) Giai đoạn 2031 - 2050*:

- Đến năm 2040: từng bước hạn chế tiến tới dừng sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy sử dụng nhiên liệu hóa thạch để sử dụng trong nước.

- Đến năm 2050:100% phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy thi công tham gia giao thông chuyển đổi sang sử dụng điện, năng lượng xanh; toàn bộ các các bến xe, trạm dừng nghỉ đạt tiêu chí xanh; chuyển đổi toàn bộ máy móc, trang thiết bị xếp, dỡ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Phát triển hạ tầng sạc điện, cung cấp năng lượng xanh trên phạm vi toàn quốc đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Hoàn thiện các cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại và mạng lưới sản xuất điện xanh đáp ứng nhu cầu phương tiện điện hóa.

**1.3.2. Đường sắt**

*a) Giai đoạn 2022 - 2030*:

- Nghiên cứu thí điểm sử dụng phương tiện đường sắt sử dụng điện, năng lượng xanh trên các tuyến đường sắt hiện tại.

- Xây dựng kế hoạch và đầu tư theo lộ trình thay thế phương tiện đường sắt cũ hết niên hạn bằng loại phương tiện có thể chuyển đổi sang sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Khuyến khích chuyển đổi trang thiết bị bốc, xếp tại các nhà ga sang thiết bị sử dụng điện, năng lượng xanh.

*b) Giai đoạn 2031-2050*:

- Đến năm 2040, dừng từng phần sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Từng bước đầu tư mới và chuyển đổi phương tiện đường sắt sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Đến năm 2050: chuyển đổi 100% đầu máy, toa xe đường sắt sử dụng điện, năng lượng xanh. Chuyển đổi 100% trang thiết bị sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng điện, năng lượng xanh tại các nhà ga.

- Cải tạo, nâng cấp hạ tầng các tuyến đường sắt hiện hữu đáp ứng hoàn toàn việc chuyển đổi sang phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh. Đầu tư xây dựng các tuyến đường sắt mới theo định hướng điện khí hóa, sử dụng năng lượng xanh.

**1.3.3. Đường thủy nội địa**

*a) Giai đoạn 2022 - 2030*:

- Khuyến khích đầu tư đóng mới, nhập khẩu phương tiện thủy nội địa sử dụngđiện, năng lượng xanh, chuyển đổiphương tiện thủy nội địa sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng dụngđiện, năng lượng xanh.

- Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí cảng xanh, tuyến vận tải xanh làm cơ sở xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư mới cảng thủy nội địa xanh.

- Áp dụng thí điểm tại một số cảng thủy nội địa; nghiên cứu, đưa một số tuyến vận tải thủy trở thành tuyến vận tải xanh.

*b) Giai đoạn 2031-2050*:

- Tiếp tục khuyến khích đầu tư đóng mới, nhập khẩu phương tiện thủy nội địa sử dụng điện, năng lượng xanh, chuyển đổi phương tiện thủy nội địa sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng dụng điện, năng lượng xanh. Khuyến khích hoạt động đầu tư mới cảng thủy nội địa theo hướng phát triển xanh.

- Đến năm 2040, 100% phương tiện thủy nội địa đóng mới sử dụng năng lượng xanh. 100% cảng thủy nội địa xây dựng mới áp dụng tiêu chí cảng xanh; khuyến khích cảng, bến thủy nội địa đang hoạt động chuyển dịch áp dụng tiêu chí cảng xanh.

- Đến năm 2050, 100% phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch chuyển đổi sang sử dụng điện, năng lượng xanh. 100% trang thiết bịtại các cảng, bến thủy nội địa chuyển đổi sang sử dụng điện, năng lượng xanh.

**1.3.4. Hàng hải**

*a) Giai đoạn 2022 - 2030*:

- Khuyến khích tàu biển đóng mới, hoán cải, nhập khẩu đăng ký sử dụng năng lượng xanh.

- Đến năm 2025, khuyến khích các bến cảng, cảng biển, cảng cạn hiện có hoặc đầu tư mới thực hiện đầu tư, chuyển đổi phương tiện, thiết bị khai thác sử dụng điện, năng lượng xanh hoặc có các biện pháp tương đương.

- Từ năm 2025: các bến cảng, cảng biển, cảng cạn đầu tư mới hoặc đầu tư bổ sung phải trang bị phương tiện, thiết bị khai thác sử dụng điện, năng lượng xanh hoặc có các biện pháp tương đương.

*b) Giai đoạn 2031-2050*:

- Từ năm 2030 đến 2035: khuyến khích tàu biển đóng mới, hoán cải, nhập khẩu đăng ký sau năm 2030 sử dụng các động cơ chạy bằng năng lượng xanh; triển khai áp dụng bắt buộc tiêu chí cảng xanh trong quy hoạch, đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác cảng biển tại Việt Nam.

- Từ năm 2035 đến 2050: 100% tàu biển đóng mới, hoán cải, nhập khẩu đăng ký sau năm 2035 sử dụng năng lượng xanh; 100% các bến cảng, cảng biển, cảng cạn hiện hữu phải thực hiện chuyển đổi các phương tiện, thiết bị khai thác sang sử dụng điện, năng lượng xanh. Chuyển đổi các thiết bị báo hiệu hàng hải sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Từ năm 2050: 100% tàu biển hoạt động tuyến nội địa sử dụng động cơ chạy bằng năng lượng xanh.

**1.3.5. Hàng không**

*a) Giai đoạn 2022 - 2030*:

- Từ năm 2022 đến năm 2035, thực hiện đồng thời toàn bộ các biện pháp tiềm năng của ngành hàng không để giảm phát thải CO2.

- Từ 2027 nghiên cứu sử dụng nhiên liệu thay thế để bổ sung một phần trong nhiên liệu hàng không.

- Đến năm 2030, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về sử dụng năng lượng và tiêu thụ nhiên liệu của các doanh nghiệp hàng không.

*b) Giai đoạn 2031 - 2050*:

- Từ năm 2035: sử dụng tối thiểu 10% nhiên liệu bền vững cho một số chuyến bay ngắn; 100% phương tiện chở khách và phương tiện khác trong sân bay đầu tư mới sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Từ năm 2040, tất cả các phương tiện hoạt động trong khu bay sử dụng năng lượng điện (trừ các phương tiện đặc thù chưa sử dụng năng lượng điện).

- Từ năm 2050 chuyển đổi sử dụng 100% năng lượng xanh, nhiên liệu hàng không bền vững cho tàu bay.

**1.3.6. Giao thông đô thị**

*a) Giai đoạn 2022 - 2030*:

- Từ 2025, 100% xe buýt thay thế, đầu tư mới sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng tại các đô thị đặc biệt, đô thị loại I lần lượt đạt ít nhất 20% và 5%.

*b) Giai đoạn 2031-2050*:

- Từ năm 2030: tỷ lệ phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh đạt tối thiểu 50%; 100% xe taxi thay thế, đầu tư mới sử dụng điện, năng lượng xanh;

- Đến năm 2050: 100% xe buýt, xe taxi sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng tại các đô thị đặc biệt, đô thị loại I lần lượt đạt ít nhất 40% và 10%.

**1.4. Nhiệm vụ và giải pháp**

**1.4.1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, quy hoạch**

- Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trước hết là các luật chuyên ngành, trong đó tích hợp các nội dung, quy định và cam kết quốc tế liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính; hoàn thiện, bổ sung, sửa đổi các quy định về điều kiện tham gia giao thông, điều kiện kinh doanh, niên hạn sử dụng, đăng ký, đăng kiểm để giảm dần số lượng và tiến tới loại bỏ hoàn toàn phương tiện, trang thiết bị giao thông vận tải sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

- Nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật, định mức… liên quan đến sản xuất, đóng mới, chuyển đổi, hoán cải, nhập khẩu, quản lý, vận hành, khai thác phương tiện, trang thiết bị giao thông vận tải có hiệu suất năng lượng cao, sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nâng cao năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật để đầu tư hạ tầng, phương tiện, trang thiết bị, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng được sự đổi mới theo hướng chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh, giảm phát thải khí nhà kính và tham gia trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon.

- Nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung các chiến lược, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch kỹ thuật chuyên Ngành giao thông vận tải và các quy hoạch, kế hoạch liên quan khác đảm bảo việc định hướng đầu tư, xây dựng, nâng cấp, vận hành khai thác kết cấu hạ tầng giao thông phù hợp và đồng bộ với đầu tư, khai thác phương tiện, trang thiết bị giao thông sử dụng điện, năng lượng xanh, giảm phát thải khí nhà kính.

**1.4.2. Chuyển đổi phương tiện sử dụng năng lượng xanh**

a) Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

- Xây dựng chương trình chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh đối với phương tiện cơ giới đường bộ.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp chuyển đổi phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng năng lượng hóa thạch sang sử dụng điện, năng lượng xanh.

b) Phương tiện giao thông đường sắt

- Thực hiện chương trình chuyển đổi đầu máy, toa xe có động cơ sử dụng năng lượng hóa thạch sangsử dụng điện, năng lượng xanh.

c) Phương tiện thủy nội địa

- Xây dựng chương trình chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh đối với phương tiện thủy nội địa.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp chuyển đổi phương tiện giao thông thủy nội địa sử dụng năng lượng hóa thạch sang sử dụng điện, năng lượng xanh.

d) Tàu biển hoạt động tuyến nội địa

- Xây dựng chương trình chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh hoặc các biện pháp tương đương đối với tàu biển.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi tàu biển sử dụng năng lượng hóa thạch sangsử dụng điện, năng lượng xanh.

e) Tàu bay hoạt động tuyến nội địa

- Xây dựng chương trình chuyển đổi sử dụng năng lượng xanh, nhiên liệu bền vững đối với tàu bay.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi tàu bay sử dụng năng lượng hóa thạch sangsử dụng năng lượng xanh, nhiên liệu bền vững.

**1.4.3. Phát triển kết cấu hạ tầng chuyển đổi năng lượng xanh**

a) Đường bộ

- Quy hoạch và xây dựng: hệ thống trạm sạc điện, trạm cấp năng lượng xanh trên mạng quốc lộ chính yếu, mở rộng ra mạng lưới đường bộ toàn quốc; hạ tầng trạm sạc điện, trạm cấp năng lượng xanh cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ tại các cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không, bến xe và nhà ga.

- Xây dựng quy định, tiêu chí bến xe khách xanh, trạm dừng nghỉ xanh; xây dựng chính sách khuyến khích chuyển đổi bến xe khách, trạm dừng nghỉ theo tiêu chí xanh.

- Xây dựng, thực hiện chương trình chuyển đổi toàn bộ bến xe khách, trạm dừng nghỉ theo tiêu chí xanh.

b) Đường sắt

- Cải tạo, nâng cấp hạ tầng tuyến, ga đường sắt hiện có, cơ bản đáp ứng việc chuyển đổi phương tiện đường sắt sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Thí điểm xây dựng một số đoạn tuyến đường sắt mới đáp ứng việc chuyển đổi phương tiện đường sắt sử dụng điện, năng lượng xanh tiến tới đầu tư xây dựng, phát triểntoàn bộ các tuyến đường sắt mới theo định hướng điện khí hóa đáp ứng cho phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Xây dựng quy định, tiêu chí nhà ga xanh và triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi toàn bộ nhà ga theo tiêu chí xanh.

c) Đường thủy nội địa

- Xây dựng, ban hành quy định, tiêu chí cảng thủy nội địa xanh; triển khai, áp dụng mô hình cảng xanh từ năm 2035.

- Quy hoạch và xây dựng hệ thống hạ tầng cung cấp điện, năng lượng xanh cho phương tiện và trang thiết bị tại các cảng thủy nội địa.Ứng dụng sử dụng điện, năng lượng xanh trong hoạt động tại các cảng, bến thủy nội địa và các thiết bị giám sát, đo mực nước tự động...

- Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp cảng thủy nội địa chuyển đổi năng lượng xanh.

d) Hàng hải

- Xây dựng, ban hành quy định, tiêu chí cảng xanh; triển khai áp dụng tiêu chí cảng xanh tại các cảng biển Việt Nam; triển khai đề án phát triển cảng xanh.

- Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợđầu tư phát triển, chuyển đổi cảng xanh.

e) Hàng không

- Quy hoạch và xây dựng hệ thống hạ tầng cung cấp điện, năng lượng xanh cho tàu bay, phương tiện mặt đất và các trang thiết bị tại cảng hàng không.

- Xây dựng quy định, tiêu chí cảng hàng không, sân bay xanh; xây dựng và thực hiện chương trình chuyển đổi cảng hàng không, sân bay xanh.

f) Giao thông đô thị

- Quy hoạch và xây dựng hệ thống hạ tầng cung cấp điện, năng lượng xanh cho phương tiện giao thông tại các đô thị.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư và đưa vào khai thác các tuyến đường sắt đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông phi cơ giới, điểm trông giữ phương tiện kết nối hợp lý với các phương thức vận tải hành khách công cộng khác.

**1.4.3. Tăng cường hợp tác quốc tế, khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và truyền thông**

a) Hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác với các chính phủ, tổ chức, doanh nghiệp quốc tế để chủ động tham gia xây dựng các quy định, tiêu chuẩn quốc tế chung, tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến và học hỏi kinh nghiệm về xây dựng cơ chế, chính sách, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực liên quan đến chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí nhà kính trong giao thông vận tải.

- Huy động đa dạng nguồn hỗ trợ tài chính từ các quỹ về môi trường trên thế giới, nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, ngân hàng thương mại quốc tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, …

b) Khoa học công nghệ

- Nghiên cứu, phát triển, chuyển đổi công nghệ phương tiện, năng lượng, kết cấu hạ tầng xanh, giảm phát thải khí nhà kính; đặc biệt chú trọng công nghệ, công nghiệp hỗ trợ phát triển, bảo trì phương tiện, trang thiết bị giao thông vận tải sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, giao thông thông minh trong quản lý, điều hành các lĩnh vực trong Ngành giao thông vận tải.

c) Phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao nguồn nhân lực hiện có của Ngành giao thông vận tải sẵn sàng tiếp nhận chuyển giao, quản lý, khai thác, vận hành phương tiện, hạ tầng giao thông công nghệ mới không phát thải khí nhà kính.

- Xây dựng chương trình đào tạo, mở mới các ngành đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp dạy nghề về công nghệ phương tiện, năng lượng, kết cấu hạ tầng xanh.

d) Xây dựng kế hoạch truyền thông và tổ chức truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về lộ trình, chính sách, lợi ích của chuyển đổi phương tiện, trang thiết bị giao thông vận tải sử dụng điện, năng lượng xanh.

**1.5. Nguồn lực thực hiện**

Huy động tối đa mọi nguồn lực trong nước và quốc tế, nhà nước và tư nhân để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp giảm phát thải khí nhà kính, chuyển đổi năng lượng xanh trong Ngành giao thông vận tải:

- Các nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, thể chế, chính sách, ... kinh phí thực hiện được bố trí chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Các chương trình, nhiệm vụ, dự án về chuyển giao công nghệ xanh, giảm phát thải khí nhà kính, huy động tối đa sự hỗ trợ quốc tế, các quỹ tài chính khí hậu.

- Các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông xanh huy động nguồn lực từ ngân sách nhà nước, hỗ trợ quốc tế, huy động từ đầu tư tư nhân và đối tác công tư, …

- Đầu tư mới, đầu tư chuyển đổi phương tiện, trang thiết bị giao thông vận tải sử dụng điện, năng lượng xanh huy động sự hỗ trợ quốc tế, các quỹ tài chính khí hậu, từ nguồn xã hội hóa, doanh nghiệp, người dân.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Giao thông vận tải

Chủ trì xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh đối với phương tiện, thiết bị, hạ tầng giao thông xanh tronggiao thông vận tải; đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch; phát triển nguồn nhân lực sẵn sàng tiếp nhận chuyển giao, quản lý, khai thác, vận hành công nghệ mới về phương tiện, trang thiết bị, hạ tầng xanh; huy động nguồn lực trong nước và quốc tế, xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông và các nhiệm vụ khác nhằm thực hiệnChương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện trong Ngành giao thông vận tải, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư, hỗ trợ liên quan đến chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí nhà kính đối với phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không; hoàn thiện chính sách đầu tư, thu hút đầu tư phát triển hệ thống sạc điện, hạ tầng cung cấp năng lượng xanh cho phương tiện giao thông sử dụng điện, năng lượng xanh.

3. Bộ Công thương

Chủ trì phát triển ngành công nghiệp sản xuất phương tiện, trang thiết bị giao thông vận tải sử dụng điện, năng lượng xanh; sản xuất, cung ứng điện, năng lượng xanh thay thế nhiên liệu hóa thạch đáp ứng nhu cầu trong nước; mở rộng phối trộn, cung ứng nhiên liệu sinh học; phát triển hệ thống sạc điện, năng lượng xanh cho phương tiện giao thông.

4. Bộ Tài chính

Chủ trì xây dựng chính sách ưu đãi hỗ trợ sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu phương tiện, trang thiết bị giao thông vận tải sử dụng điện, năng lượng xanh; chính sách ưu đãi hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh vận tải đầu tư, chuyển đổi đoàn phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh, hạ tầng giao thông xanh.

5. Bộ Xây dựng

Chủ trì hoàn thiện chính sách ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông đô thị cho phương tiện giao thông sử dụng điện, năng lượng xanh; rà soát các quy định, tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị có đường dành riêng cho phương tiện điện và giao thông phi cơ giới.

6. Ủyban nhân dân các tỉnh, thành phố

Chủ trì phát triển hệ thống giao thông vận tải công cộng sử dụng điện, năng lượng xanh, giao thông phi cơ giới tại địa phương.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - Bộ Giao thông vận tải; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, CN(2b). | **THỦ TƯỚNG**    [daky]  **Phạm Minh Chính** |

**Phụ lục 1. DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

| **TT** | **Tên chương trình/nhiệm vụ** | **Lộ trình thực hiện** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan**  **phối hợp** | **Nguồn lực** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Rà soát, đề xuất sửa đổi hoặc sửa đổi, ban hành theo thẩm quyền 05 bộ luật, luật chuyên ngành giao thông vận tải và các văn bản dưới luật để thúc đẩy chuyển đổi sử dụng phương tiện, trang thiết bị, hạ tầng giao thông vận tải sử dụng điện, năng lượng xanh | 2022 - 2030 | Bộ GTVT | Bộ, ngành liên quan | NSNN |
| 2 | Xây dựng định mức nhiên liệu cho phương tiện giao thông đường bộ, đường thuỷ và đường sắt | 2022 - 2030 | Bộ GTVT | Các Bộ, ngành liên quan | NSNN |
| 3 | Xây dựng quy định về đăng kiểm đối với các loại phương tiện, thiết bị GTVT sử dụng năng lượng điện, năng lượng xanh | 2022 - 2030 | Bộ GTVT | Các Bộ, ngành liên quan | NSNN |
| 4 | Xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật, định mức,… liên quan đến nhập khẩu, sản xuất, đóng mới, chuyển đổi, hoán cải phương tiện, thiết bị giao thông vận tải sử dụng điện, năng lượng xanh | 2022 - 2030 | Bộ GTVT | Bộ, ngành liên quan | NSNN |
| 5 | Xây dựng quy định, tiêu chí cho cảng biển, cảng thuỷ nội địa, cảng hàng không, nhà ga, bến xe, trạm dừng nghỉ đạt tiêu chuẩn “xanh” | 2022 - 2025 | Bộ GTVT | Bộ, ngành liên quan | NSNN, NN |
| 6 | Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các cảng biển, cảng thuỷ nội địa, cảng hàng không, nhà ga, bến xe, trạm dừng nghỉ xây dựng mới và hiện hữu chuyển đổi theo tiêu chí “xanh” | 2025 - 2030 | Bộ GTVT | Bộ, ngành liên quan | NSNN,NN |
| 7 | Xây dựng và công bố lộ trình chuyển đổi phương tiện, trang thiết bị GTVT sử dụng nhiên liệu hoá thạch sang loại hình phương tiện, trang thiết bị sử dụng điện, năng lượng xanh | 2025 - 2030 | Bộ GTVT | Các Bộ, ngành liên quan | NSNN + NN |
|  | **Đường bộ** |  |  |  |  |
| + | Khuyến khích các loại phương tiện cơ giới đường bộ sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu sử dụng động cơ điện | 2022 - 2030 | Bộ GTVT | Các Bộ, ngành liên quan | NSNN + XHH |
| + | Dừng cấp chứng nhận chất lượng đối với tất cả các loại xe ô tô, mô tô và xe gắn máy sản xuất, lắp ráp có phát thải khí nhà kính | 2040 | Bộ GTVT | Các Bộ, ngành liên quan | NSNN |
| + | 100% phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành không phát thải KNK | 2050 | Bộ GTVT | UBND tỉnh/thành phố | XHH |
|  | **Đường sắt** |  |  |  |  |
| + | Thí điểm áp dụng đầu máy sử dụng nhiên liệu sạch, không phát thải KNK | 2022 - 2035 | Bộ GTVT | Tổng công ty Đường sắt Việt Nam | NSNN |
| + | Dừng từng phần hoạt động sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt phát thải khí nhà kính | 2031 - 2040 | Bộ GTVT | Tổng công ty Đường sắt Việt Nam | NSNN |
| + | 100% thiết bị bốc xếp tại ga không phát thải KNK | 2031 - 2045 | Bộ GTVT | Tổng công ty Đường sắt Việt Nam | NSNN |
| + | 100% đầu máy, toa xe đường sắt sử dụng nhiên liệu sạch, nhiên liệu tổng hợp | 2050 | Bộ GTVT | Tổng công ty Đường sắt Việt Nam | NSNN |
|  | **Thuỷ nội địa** |  |  |  |  |
| + | Khuyến khích phương tiện thủy đóng mới sử dụng năng lượng xanh; | 2030 - 2035 | Bộ CT | Các Bộ, ngành liên quan | NSNN + XHH |
| + | Khuyến khích toàn bộ phương tiện thuỷ đang hoạt động chuyển đổi sang sử dụng năng lượng xanh; | 2040 | Bộ CT | Các Bộ, ngành liên quan | XHH |
| + | 100% phương tiện sử dụng xăng, dầu chuyển đổi sang sử dụng năng lượng xanh | 2050 | Bộ CT | Các Bộ, ngành liên quan | XHH |
|  | **Hàng hải** |  |  |  |  |
| + | Khuyến khích tàu biển Việt Nam tuân thủ đầy đủ các quy định IMO; | 2022 - 2030 | Bộ CT | Các Bộ, ngành liên quan | XHH |
| + | Khuyến khích tàu biển đóng mới, hoán cải, nhập khẩu đăng ký sau năm 2030 sử dụng các động cơ chạy bằng năng lượng xanh | 2030 - 2050 | Bộ CT | Các Bộ, ngành liên quan | XHH |
| + | Tàu biển đóng mới, hoán cải, nhập khẩu đăng ký sau năm 2035 sử dụng năng lượng xanh | 2035 - 2050 | Bộ CT | Các Bộ, ngành liên quan | XHH |
| + | 100% tàu biển hoạt động tuyến nội địa chuyển đổi sang động cơ chạy bằng năng lượng xanh | 2050 | Bộ CT | Các Bộ, ngành liên quan | XHH |
|  | **Hàng không** |  |  |  |  |
| + | Nghiên cứu sử dụng nhiên liệu thay thế để bổ sung một phần trong nhiên liệu hàng không | 2027 - 2050 | Cục Hàng không Việt Nam | Các Hãng hàng không | NSNN + NN |
| + | Sử dụng tối thiểu 10% nhiên liệu bền vững cho một số chuyến bay ngắn; | 2035 | Cục Hàng không Việt Nam | Các Hãng hàng không | XHH |
| + | 100% nhiên liệu hàng không bền vững cho tàu bay | 2050 | Cục Hàng không Việt Nam | Các Hãng hàng không | XHH |
| 8 | Nghiên cứu, phát triển, chuyển đổi công nghệ phương tiện, năng lượng, kết cấu hạ tầng xanh, đặc biệt chú trọng công nghệ, công nghiệp hỗ trợ phát triển, bảo trì phương tiện, trang thiết bị giao thông vận tải sử dụng điện, năng lượng xanh. | 2022 - 2040 | Bộ GTVT | Các Bộ, ngành liên quan | NSNN, NN |
| 9 | Nghiên cứu, xây dựng cơ chế bù đắp các-bon cho vận tải hàng không nội địa | 2023 - 2035 | Cục Hàng không Việt Nam | Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không | NSNN |
| 10 | Đào tạo, đào tạo lạinâng cao nguồn nhân lực hiện có Ngành GTVT sẵn sàng tiếp nhận chuyển giao, quản lý, khai thác, vận hành công nghệ mới về phương tiện, trang thiết bị sử dụng điện, năng lượng xanh và kết cấu hạ tầng xanh. | 2022 - 2030 | Bộ GTVT | Các Bộ, ngành, trường đại học, viện nghiên cứu | NSNN, NN |
| 11 | Xây dựng chương trình đào tạo, mở các ngành đào tạo mới tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp dạy nghề, các khoá học mới về phương tiện, nhiên liệu, hạ tầng xanh không phát thải. | 2025 - 2050 | Bộ GTVT | Các Bộ, ngành, UBND tỉnh/TP | NSNN |
| 12 | Xây dựng kế hoạch truyền thông và tổ chức truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về lộ trình, chính sách, lợi ích của chuyển đổi phương tiện, thiết bị sử dụng điện, năng lượng xanh. | 2025 - 2035 | Bộ GTVT | UBND tỉnh/ thành phố | NSNN, XHH |

**Phụ lục 2. DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ**

**BỘ GTVT PHỐI HỢP CÙNG CÁC BỘ, NGÀNH, UBND TỈNH/THÀNH PHỐ**

| **TT** | **Tên chương trình/nhiệm vụ** | **Lộ trình thực hiện** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan**  **phối hợp** | **Nguồn lực** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về năng lượng xanh | 2022 - 2030 | Bộ CT | Bộ GTVT, Bộ KHCN | NSNN |
| 2 | Dừng sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô, mô tô, xe gắn máy sử dụng xăng, dầu | 2025 - 2040 | Bộ CT | Bộ GTVT, các Bộ và UBND tỉnh/thành phố | NSNN, XHH |
| 3 | Xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư cho doanh nghiệp trong sản xuất phương tiện giao thông vận tải, trang thiết bị sử dụng điện, năng lượng xanh | 2022 - 2030 | Bộ KHĐT | Bộ GTVT, các Bộ và UBND tỉnh/thành phố | NSNN |
| 4 | Xây dựng chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi từ phương tiện, trang thiết bị sử dụng nhiên liệu hoá thạch sang sử dụng điện, năng lượng xanh | 2022 - 2030 | Bộ KHĐT | Bộ GTVT, các Bộ và UBND tỉnh/thành phố | NSNN |
| 5 | Xây dựng chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, xây dựng phát triển hệ thống sạc điện, hạ tầng cung cấp năng lượng xanh | 2022 - 2030 | Bộ KHĐT | Bộ GTVT, các Bộ và UBND tỉnh/thành phố | NSNN |
| 6 | Xây dựng chính sách khuyến khích, ưu đãi cho người dân khi chuyển đổi phương tiện giao thông cá nhân sử dụng năng lượng hoá thạch sang phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh | 2022 - 2030 | Bộ TC | Bộ GTVT, các Bộ và UBND tỉnh/thành phố | NSNN |
| 7 | Phát triển cơ sở hạ tầng cho các phương tiện sử dụng điện, bao gồm: hệ thống sạc điện, nguồn cấp năng lượng, depot cho phương tiện,… | 2025 - 2030 | Bộ CT, Bộ XD | Bộ GTVT, các Bộ và UBND tỉnh/thành phố | NSNN, XHH |
| 8 | Xây dựng chính sách ưu tiên cho đầu tư phát triển hạ tầng hỗ trợ cho phương tiện đường bộ sử dụng năng lượng điện | 2025 - 2030 | Bộ KHĐT | Bộ TC, Bộ CT, Bộ GTVT, UBND tỉnh/thành phố | NSNN |
| 9 | Hoàn thiện hạ tầng giao thông vận tải công cộng, phát triển hạ tầng giao thông vận tải công cộng khối lượng lớn và hạ tầng giao thông phi cơ giới | 2022-2050 | UBND các tỉnh/thành phố | Bộ GTVT và các Bộ liên quan | NSNN, XHH |

**Phụ lục 3. DANH MỤC DỰ ÁN TRỌNG TÂM**

| **TT** | **Tên dự án** | **Lộ trình thực hiện** | **Đơn vị triển khai/thực hiện** | **Kinh phí**  **(tỷ VNĐ)** | **Nguồn kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Thực hiện Chương trình chuyển đổi phương tiện, trang thiết bị GTVT sử dụng nhiên liệu hoá thạch sang sử dụng năng lượng xanh của 5 chuyên ngành** | | | | |
| - | Chuyển đổi sử dụng năng lượng xanh, năng lượng sạch, trước mắt tập trung cho phát triển ô tô điện  + Xe taxi sử dụng năng lượng điện  + Xe buýt, BRT sử dụng năng lượng điện | 2022 - 2025  2025 - 2030 | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | - | NSNN, XHH |
| - | Chương trình thí điểm khuyến khíchngười dân chuyển đổi phương tiện giao thông cá nhân (xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô) sang sử dụng điện | 2022 - 2030 | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | - | NSNN, XHH |
| - | Chuyển đổi, thay thế 244 đầu máy, 80 toa xe phát điện sang sử dụng nhiên liệu xanh, không phát thải KNK |  | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | 12.420 | NSNN, NN |
|  | Đầu tư 100 đầu máy và 16 toa xe phát điện sử dụng động cơ diesel đáp ứng tiêu chuẩn khí thải theo quy định của Nhà nước | 2022 - 2030 | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | 4.240 | NSNN, NN |
|  | Đầu tư 31 toa xe phát điện có sử dụng nguồn động lực bằng điện khí hóa hoặc các nguồn động lực sử dụng nhiên liệu sạch, ít phát thải khí nhà kính | 2031 - 2040 | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | 620 | NSNN, NN |
|  | Đầu tư 115 đầu máy và 33 toa xe phát điện thay thế có nguồn động lực dùng điện khí hóa hoặc các nguồn động lực dùng nhiên liệu sinh học không phát thải khí thải nhà kính | 2041 - 2050 | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | 7.560 | NSNN, NN |
| - | Chuẩn bị và xây dựng 03 đoạn của tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (Hà Nội - Vinh, Vinh - Nha Trang, Nha Trang - Thành phố Hồ Chí Minh) | 2022-2050 | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | 1.334.243 | NSNN, NN |
| - | Thí điểm đóng mới tàu cỡ nhỏ sử dụng năng lượng điện | 2025 - 2030 | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | - | NSNN, NN |
| - | Thực hiện chuyển đổi thiết bị báo hiệu hàng hải sử dụng diesel sang sử dụng điện, năng lượng tái tạo hoặc các loại năng lượng xanh khác | 2025 - 2050 | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | - | NSNN, XHH, NN |
| - | Triển khai thay thế các phương tiện mặt đất sử dụng nhiên liệu hoá thạch sang sử dụng điện tại các cảng hàng không, sân bay | 2025 - 2030 | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | - | NSNN, XHH |
| **2** | **Triển khai xây dựng đồng bộ hạ tầng chuyển đổi năng lượng xanh phù hợp với phát triển của phương tiện** | | | | |
| - | Xây dựng và hoàn thiện hệ thống trạm sạc điện, depot cho phương tiện điện trong khu vực đô thị và trên các quốc lộ | 2025 - 2035 | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | - | NSNN, XHH |
| - | Xây dựng hệ thống cấp điện bờ tại các bến, cảng thuỷ nội địa, cảng biển; hệ thống trạm sạc điện cho các phương tiện, trang thiết bị sử dụng điện tại cảng | 2025 - 2035 | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | - | NSNN, XHH |
| - | Xây dựng hệ thống trạm sạc điện cho các phương tiện mặt đất sử dụng điện tại các cảng hàng không, sân bay | 2025 - 2035 | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | - | NSNN, XHH |
| 3 | Xây dựng trạm dừng nghỉ, bến xe, nhà ga, cảng thuỷ nội địa, cảng biển, cảng hàng không xanh | 2030 - 2050 | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | - | NSNN, XHH |
| 4 | Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp hàng hải chuyển đổi năng lượng xanh | 2030 - 2040 | Bộ Giao thông vận tải cùng các Bộ, ngành và UBND tỉnh/thành phố và doanh nghiệp | 20.000 | NSNN, XHH, NN |